TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày: 19 - 11 - 2019
V/v "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tán Nghị

2. Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên toà: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2019/TLST - KDTM ngày 24.7.2019 về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-KDTM ngày 21.10.2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06.11.2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng C; địa chỉ: Số 103 đường X, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn V - Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng C (Giấy ủy quyền số 83/GUQ-TT ngày 22.7.2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty), có mặt.

**** Bị đơn:*** Công ty Cổ phần V; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Q - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần V (Giấy ủy quyền ngày 25.9.2019 của Giám đốc Công ty), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày* 26.7.2019, 30.9.2019, *qúa trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03.12.2002, Công ty C nay là Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng C (viết tắt là Công ty CP ĐT-XD C) có ký kết Hợp đồng mua bán bê tông nhựa với Xí

nghiệp khai thác sản xuất V (thuộc Công ty G) nay là Công ty Cổ phần V (viết tắt là Công ty CP V). Sau khi hợp đồng được hai bên kí kết, Công ty CP ĐT-XD C đã tiến hành giao đủ số lượng hàng hóa theo đúng như hợp đồng và đã được hai bên xác nhận khối lượng. Sau đó, hai bên đã tiến hành lập Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 28.12.2002.

Theo Giấy đề nghị xác nhận công nợ số 372/CV-CT ngày 25.8.2008, số tiền mà Công ty CP V còn phải thanh toán cho Công ty CP ĐT-XD C là: 55.747.000 đồng (năm mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Mặc dù đã nhiều lần Công ty chúng tôi gởi công văn cũng như trực tiếp cử cán bộ đến Công ty CP V để yêu cầu thanh toán, nhưng cho đến nay Công ty CP V vẫn cố tình trì hoãn không thanh toán số nợ trên cho Công ty chúng tôi. Việc Công ty CP V không trả nợ đã vi phạm hợp đồng được ký kết giữa hai bên, gây thiệt hại về tài chính cho Công ty CP ĐT-XD C.

Do vậy, Công ty CP ĐT-XD C có đơn này kính đề nghị Quý tòa xem xét và giải quyết: Buộc Công ty CP V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty CP ĐT-XD C số tiền: 55.747.000 đồng (năm mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

** Tại bản tự khai ngày 04.10.2019, 15.10.2019, qúa trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Ngày 03.12.2002, giữa Xí nghiệp khai thác sản xuất V (thuộc Công ty G) nay là Công ty Cổ phần V và Công ty C nay là Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng C có ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 28.12.2002. Đến ngày 25.8.2008, hai bên ký xác nhận để Công ty CP ĐT-XD C cổ phần hóa doanh nghiệp. Theo đó, Công ty CP ĐT-XD C lấy làm căn cứ khởi kiện Công ty CP V. Căn cứ các mốc thời gian cho thấy, tính đến ngày Tòa án thụ lý vụ án 24.7.2019 vụ việc trên đã kết thúc hơn 16 năm kể từ ngày ký Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 28.12.2002 và hơn 10 năm kể từ ngày xác nhận 25.8.2008. Vì vậy, theo quy định của pháp luật thương mai, luật dân sự, Công ty CP V đề nghị Tòa án xem xét và áp dụng thời hiệu đối với vụ việc này.

Kể từ năm 2008 (năm chuyển đổi thành Công ty Cổ phần) Công ty CP V đã thay đổi 02 lần Giám đốc nên nhiều lần Công ty CP ĐT-XD C gửi công văn cũng như trực tiếp cử cán bộ đến Công ty CP V để yêu cầu thanh toán thì Công ty CP ĐT-XD C gặp ai để làm việc về khoản nợ mà bây giờ yêu cầu khởi kiện. Căn cứ vào mốc thời gian ngày 25.8.2008 đến ngày 23.7.2015 Công ty CP ĐT-XD C cử người sang làm việc nhưng không gặp được người có chức năng là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP ĐT-XD C đối với Công ty CP V về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ"*. Buộc Công ty CP V phải thanh toán cho Công ty CP ĐT-XD C số tiền là 55.747.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ" giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng C và bị đơn Công ty Cổ phần V, có trụ sở tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng mua bán bê tông nhựa số 61/HĐKT được ký kết giữa Công ty C nay là Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng C với Xí nghiệp khai thác sản xuất V (thuộc Công ty G) nay là Công ty Cổ phần V ngày 03.12.2002 có giá trị 117.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, Công ty CP ĐT-XD C đã tiến hành giao đủ số lượng hàng hóa và đã được hai bên xác nhận khối lượng. Ngày 28.12.2002 hai bên đã tiến hành lập Biên bản thanh lý hợp đồng với số lượng 267,3 tấn tương ứng với số tiền 104.247.000 đồng trừ số tiền ứng trước 40.000.000 đồng, còn nợ 64.247.000 đồng và thời hạn thanh toán dứt điểm trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng.

Ngày 01.02.2008, Công ty CP V được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu thì đến ngày 25.8.2008 Công ty CP V và Công ty CP ĐT-XD C ký Giấy đề nghị xác nhận công nợ số 372/CV-CT, theo đó số tiền mà Công ty CP V còn phải thanh toán cho Công ty CP ĐT-XD C là: 55.747.000 đồng. Công ty CP ĐT-XD C trình bày sau thời điểm ngày 25.8.2008 Công ty có cử cán bộ trực tiếp đến làm việc nhưng không gặp được người có thẩm quyền giải quyết, sau đó vào các ngày 23.7.2015, 10, 12.4.2017, 22.4.2019 Công ty gửi công văn đề nghị Công ty CP V thanh toán công nợ mưa bán nhựa bê tông nhưng Công ty CP V không thanh toán.

Như vậy, Công ty CP V không trả nợ đã vi phạm thỏa thuận được ký kết giữa hai bên, gây thiệt hại về tài chính cho Công ty CP ĐT-XD C. Căn cứ vào Điều 290, 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 430, 431, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, 50, 317 Luật Thương mại yêu cầu khởi kiện của Công ty CP ĐT-XD C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Công ty CP V phải thanh toán cho Công ty CP ĐT-XD C số tiền còn nợ: 55.747.000 đồng.

[2.1] Xét đề nghị của bị đơn về việc xem xét và áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 28.12.2002, Giấy đề nghị xác nhận công nợ số 372/CV-CT ngày 25.8.2008 và Công ty CP V thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với Công ty CP ĐT-XD C. Tuy nhiên, Công ty CP V cho rằng vụ việc trên đã kết thúc hơn 16 năm kể từ ngày ký Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 28.12.2002 và hơn 10 năm kể từ ngày xác nhận 25.8.2008 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

và áp dụng thời hiệu đối với vụ việc này. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30.6.2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03.12.2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc. Vì vậy, đề nghị của bị đơn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty CP ĐT-XD C được chấp nhận nên Công ty CP V phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 290, 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 430, 431, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, 50, 317 Luật Thương mại; Căn cứ Điều 147, 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30.6.2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03.12.2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng C đối với Công ty Cổ phần V về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ"*.

2. Xử: Buộc Công ty Cổ phần V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng C số tiền là 55.747.000 đồng (năm mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) Công ty Cổ phần V phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng C số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 2423 ngày 24.7.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diệp